

3.1. Cụ Bùi Ngọc C, sinh năm 1942; nơi cư trú: Số 605 đường O, phường T, quận M, thành phố H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho cụ C: Ông Nguyễn Văn D; có mặt.

3.2. UBND phường T, quận M, thành phố H: Ông Lê Đức C; có mặt.

3.3. Bà Lê Thị N, sinh năm 1947; vắng mặt.

3.4. Các thành viên khác của hộ gia đình ông Bùi Quốc K gồm:

- Bà Phạm Bích H, sinh năm 1974, vắng mặt.

- Chị Bùi Khánh V, sinh năm 2000, vắng mặt.

- Cháu Bùi Khánh D, sinh năm 2009, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 605 đường O, phường T, quận M, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Quyết định số 7853/QĐ-UBND ngày 18-12-2001 của UBND thành phố H giao bổ sung 466.144m² đất hai bên bờ sông T, L, S cho Ban quản lý dự án công trình giao thông công chính thuộc Sở Giao thông công chính H để xây dựng, cải tạo bờ sông, làm đường quản lý thực hiện gói thầu CP7A thuộc dự án thoát nước H giai đoạn I, trong đó có một phần diện tích đất của gia đình cụ Bùi Ngọc C quản lý sử dụng tại địa chỉ số 605 phố O, phường T, quận M, thành phố H.

UBND quận M đã lập Phương án số 391/PACT-GPMB ngày 09-4-2015 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án thoát nước đối với hộ gia đình cụ Bùi Ngọc C, cụ thể: Thu hồi 116,1m² đất thuộc vị trí 1 phố O, mức bồi thường 36.480.000đồng/m² (56,7m² đất vườn thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 07 và 60m² đất tự sử dụng); tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận là 1.215.124.936đồng.

Ngày 28-4-2015, cụ Bùi Ngọc C có đơn kiến nghị gửi UBND phường T với nội dung: Cụ C là chủ sử dụng thửa đất tại 605 đường Phố O; năm 2000, gia đình cụ C đã lập văn bản chia đất cho 2 con trai là ông Bùi Quốc Q được sử dụng 130m² và ông Bùi Quốc K được chia 120m². Ngay sau khi được chia đất các con đã tiến hành xây nhà ở, đóng thuế đầy đủ và không có tranh chấp. Ngày 09/4/2015, nhận được Phương án số 391/PACT-GPMB; sau khi bàn bạc thống nhất với các con thấy không có thẩm quyền để ký vào biên bản kê khai và không phải là hộ được nhận bồi thường vì toàn bộ đất của gia đình cụ C không bị thu hồi; đất bị thu hồi của hộ Bùi Quốc K và Bùi Quốc Q; xin rút hồ sơ đã kê khai.

Ngày 27-7-2015, UBND quận M ban hành Quyết định số 6187/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 1343/PACT- HĐBT, HT & TĐC ngày 16-7-2015 đối với hộ gia đình ông Bùi Quốc K như sau:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: 39,8m² x 22.272.000đồng/m² = 886.425.600đồng; 90,1m² x 22.272.000đồng/m² = 2.006.707.200đồng. Khấu trừ 50% nghĩa vụ tài chính theo đơn giá 15.120.000đồng/m² với hệ số 1,0 đối với 39,8m² = 300.888.000đồng.

Khấu trừ 50% nghĩa vụ tài chính theo đơn giá 15.120.000đồng/m² với hệ số 1,0 đối với 30m² = 226.800.000đồng. Khấu trừ 100% nghĩa vụ tài chính theo đơn giá 15.120.000đồng/m² với hệ số 1,2 đối với 60,1m² = 1.090.454.400đồng.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản là 70.091.890đồng; hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản: 5.000.000đồng; hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở là 10.440.000đồng; được mua 01 căn hộ tái định cư. Ngoài ra, UBND quận M còn xác định khoản hỗ trợ thuê nhà và thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng.

Ngày 08-9-2015, UBND quận M ban hành Quyết định số 7091/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 1521/PA-HĐBT,HT& TĐC ngày 31-8-2015 điều chỉnh, bổ sung bồi thường cho hộ gia đình ông K số tiền 310.215.380đồng do được điều chỉnh không khấu trừ nghĩa vụ tài chính phần diện tích 39,8m² nên số tiền bồi thường về đất tăng 300.888.000đồng; bổ sung bồi thường cây cối và tài sản khác là 9.327.380đồng.

Ngày 27-7-2016, ông Bùi Quốc K khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 của UBND quận M. Ngày 11-9-2017, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M, nội dung: Toàn bộ diện tích 129,9m² đất bị thu hồi nằm trong tổng số 700m² đất có nguồn gốc đất ao của Hợp tác xã T đổi cho cụ Bùi Ngọc C từ năm 1983 để làm nhà ở. Năm 1989, cụ Bùi Ngọc C xin phép và được UBND xã T đồng ý cho dựng 01 căn nhà tranh, mái lá trên đất, sau này xây dựng nhà kiên cố như hiện nay. Quá trình sử dụng, cụ Bùi Ngọc C bán một phần đất cho ông Vũ Văn C và bà Bùi Thị D, diện tích còn lại là 491m² như kết quả đo đạc. Năm 2000, cụ C và vợ là cụ Lê Thị N đã lập văn bản chia đất cho 2 con trai là ông Bùi Quốc Q được sử dụng 130m² và ông Bùi Quốc K được chia 120m² giáp sông S, phần còn lại giáp đường O vẫn do vợ chồng cụ C và cụ Nghi quản lý, sử dụng. Việc phân chia đất chỉ trên giấy tờ, còn thực tế toàn thể gia đình vẫn sử dụng chung 491m² và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K cho rằng diện tích 120m² đất được chia trên giấy tờ vẫn chung thừa đất giáp đường O nên phải được xác định là vị trí 1 để bồi thường với giá 36.480.000đồng/m². UBND quận M đã xác định đất của gia đình ở vị trí 2 để áp giá bồi thường 22.272.000đồng/m² là gây thiệt hại quyền lợi của gia đình. Trước đó, tại Phương án số 391/PACT-GPMB ngày 09-4-2015 thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận M lập mang tên cụ Bùi Ngọc C đã xác định 129,9m² đất ở vị trí 1 để áp giá bồi thường, hỗ trợ là 36.480.000đồng/m². Do đó, ông K đề nghị hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 của UBND quận M.

Ông Bùi Quốc K không đồng ý việc UBND quận M khấu trừ nghĩa vụ tài chính đối với 30m² và 60,1m² đất của gia đình vì đất có nguồn gốc sử dụng hợp

pháp, trước ngày 15-10-1993, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; ông K đề nghị hủy Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M.

Ngày 13-3-2017, cụ Bùi Ngọc C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp đơn độc lập yêu cầu hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 của UBND quận M vì xác định không đúng chủ sử dụng đất bị thu hồi và không đúng vị trí đất như lý do khởi kiện của ông K. Cụ C cho rằng việc phân chia đất chỉ trong nội bộ gia đình, chưa làm thủ tục tách thửa nên 129,9m² đất nên UBND quận M phải phê duyệt bồi thường cho cụ C; đồng thời xác định 129,9m² đất của gia đình bị thu hồi ở vị trí I với giá bồi thường là 36.480.000đồng/m². Ngày 11-9-2017, cụ Bùi Ngọc C bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M.

Theo UBND quận M: Theo xác nhận của UBND phường T thì nguồn gốc đất của cụ Bùi Ngọc C sử dụng thửa số 16 tờ bản đồ số 7, diện tích 345m², loại đất vườn sản xuất nông nghiệp do cha mẹ để lại và thửa đất số 15 tờ bản đồ số 7, diện tích 246m² đất ở có nguồn gốc chuyển đổi; tổng diện tích hai thửa đất liền kề nhau là 591m². Hộ gia đình cụ Bùi Ngọc C đã chuyển nhượng 96m² tại thửa đất số 16 cho ông Vũ Văn Chung; diện tích đất còn lại là 495m². Năm 2004, hộ gia đình cụ Bùi Ngọc C đã làm đơn cho rằng bị thu hồi và đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích 30,1m² đất và tài sản trên đất khi xây dựng đỉnh kè thực hiện dự án thoát nước H giai đoạn I. Tại thời điểm giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, gia đình cụ Bùi Ngọc C sử dụng 672,7m² (tăng 177,7m²), trong đó: Bà Bùi Thị D sử dụng 211,7m² và cụ Bùi Ngọc C sử dụng 461m². Trong 177,7m² tăng thêm được xác định do sai số khi đo đạc là 77,7m², còn lại 100m² là do gia đình tự sử dụng đất ven sông S, trong đó ông K sử dụng 60m² và bà Bùi Thị D sử dụng 40m².

UBND quận M xác định diện tích đất hợp pháp của gia đình cụ Bùi Ngọc C là 495m² + 77,7m² = 572,7m²; do cụ C và cụ Nghi có Biên bản phân chia đất trong gia đình có xác nhận của UBND xã T ngày 16-9-2000 với nội dung ông K được sử dụng 120m²; thực tế hộ gia đình ông K bị thu hồi 129,9m² đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 7 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Trên cơ sở đó, UBND quận M đã ra Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông K được hưởng 129,9m² với đơn giá đất vị trí 2 đường Phố O theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29-12-2014 của UBND thành phố H là 13.920.000đồng/m² và được tính hệ số 1,6 thành 22.272.000đồng/m².

Số tiền hộ gia đình ông K được bồi thường, hỗ trợ về đất là 2.893.132.800đồng và về tài sản là 70.091.890đồng; do diện tích đất gia đình sử dụng không giấy tờ, sử dụng trước năm 1990 nên UBND quận M tính khấu trừ nghĩa vụ tài chính 50% hệ số 1,0 đối với 69,8m² đất và 60,1m² đất 100% hệ số 1,2

là 1.618.142.400đồng. Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 điều chỉnh và bổ sung bồi thường đối với hộ ông K thêm 310.215.380đồng. Đề nghị bác yêu cầu của ông K và cụ Bùi Ngọc C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Áp dụng Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai 2013; Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 12, Điều 13 Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 2 Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29-12-2014 và Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 14-5-2015 của UBND thành phố H; khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Bùi Ngọc C đề nghị hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 và Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M, thành phố H (do hết thời hiệu khởi kiện). Trả lại ông Bùi Ngọc C 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố H (Biên lai số 0001669 ngày 14-3-2017).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc K (do bà Nguyễn Thị S đại diện theo ủy quyền) đề nghị hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 và Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M, thành phố H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2017, ông Bùi Quốc K có đơn kháng cáo.

Ngày 11/10/2017, cụ Bùi Ngọc C có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo ông Nguyễn Văn D (người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông K): Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là đất ao của Hợp tác xã T đổi cho cụ C từ năm 1983 để làm nhà ở. Năm 2000, vợ chồng cụ C đã lập văn bản chia đất cho 2 con trai là ông Q diện tích 130m² và ông K được chia 120m² giáp sông S, phần còn lại giáp đường O vẫn do vợ chồng cụ C quản lý, sử dụng. Việc phân chia đất chỉ trên giấy tờ, còn thực tế toàn thể gia đình vẫn sử dụng chung 491m² và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích 120m² đất được chia trên giấy tờ vẫn chung thửa đất giáp đường O nên phải được xác định là vị trí 1 để bồi thường với giá 36.480.000đồng/m². UBND quận M đã xác định đất của gia đình ở vị trí 2 để áp giá bồi thường 22.272.000đồng/m² là ảnh hưởng quyền lợi của gia đình ông K. Do đó,

đề nghị hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 và Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M của UBND quận M.

Theo cụ Bùi Ngọc C: Gia đình cụ C đã bàn giao đất bị thu hồi; thực tế không có thửa số 15, 16 chỉ có chung 1 thửa; đề nghị xác định diện tích thu hồi là vị trí 1 để bồi thường với giá 36.480.000đồng/m².

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: UBND quận M xác định diện tích đất bị thu hồi của ông Bùi Quốc K thuộc thửa số 16, vị trí 2 là có căn cứ; UBND quận M xác định áp giá thuê là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc K là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Bùi Quốc K, cụ Bùi Ngọc C giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến của đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng :

[1.1]. Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 và Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Ngày 27-7-2016, ông Bùi Quốc K nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đề nghị hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 đã đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ngày 11-9-2017, ông K bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất bổ sung đối với hộ ông K là hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 điều chỉnh một phần Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 7091/QĐ-UBND là đúng theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Ngày 14-3-2017, cụ Bùi Ngọc C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới nộp đơn độc lập yêu cầu hủy Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 và ngày 11-9-2017 bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 là hết thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập và trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho cụ Bùi Ngọc C là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 27-7-2015 và Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 6187/QĐ-UBND và Quyết định số 7091/QĐ-UBND: Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì UBND quận M ban hành Quyết định số 6187/QĐ-UBND và Quyết định số 7091/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Diện tích đất của hộ gia đình ông K sử dụng có nguồn gốc từ cha mẹ là cụ Bùi Ngọc C và cụ Lê Thị N cho sử dụng theo Biên bản phân chia đất trong gia đình có xác nhận của UBND xã T ngày 16-9-2000. Thực tế tại thời điểm giải phóng mặt bằng thực hiện dự án hộ gia đình ông K sử dụng đất và có tài sản trên đất nên đã kê khai làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ là phù hợp. Trước đó, UBND quận M đã lập Phương án số 391/PACT-GPMB ngày 09-4-2015 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 116m² đất bị thu hồi mang tên cụ Bùi Ngọc C. Tuy nhiên, ngày 28-4-2015 cụ Bùi Ngọc C có đơn gửi UBND phường T với nội dung xin rút hồ sơ đã kê khai để hai con là ông Bùi Quốc Q và ông Bùi Quốc K kê khai làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Nội dung này phù hợp với lời khai của cụ Bùi Ngọc C là đã nhất trí ủy quyền cho hai con là ông Bùi Quốc Q và ông Bùi Quốc K kê khai làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ. Việc ông Khánh kê khai để được đứng tên bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cũng phù hợp với Biên bản phân chia đất trong gia đình cũng như thực trạng sử dụng đất. Cụ Bùi Ngọc C không đồng ý với người được thụ hưởng bồi thường, hỗ trợ là hộ gia đình ông K là không phù hợp.

[2.2.2]. Theo ông K và cụ Bùi Ngọc C cho rằng nguồn gốc đất của gia đình cụ Bùi Ngọc C sử dụng tại địa chỉ 605 đường O là do đổi đất của Hợp tác xã T. Tại bản đồ địa chính thể hiện diện tích đất gia đình cụ Bùi Ngọc C sử dụng là 2 thửa gồm thửa số 15 giáp đường O và thửa số 16 nằm phía trong; diện tích 89,9m² và 9,9m² đất ngõ đi bị thu hồi có 29,9m² và 9,9m² là một phần của thửa đất vườn số 16 và 60 m² là đất tự sử dụng đất ven sông S; 30,1m² đất đã bàn giao năm 2004 để xây dựng đỉnh kè cho dự án thoát nước giai đoạn I cũng do gia đình tự sử dụng đất ven sông S trước năm 1990. Như vậy, diện tích đất đã thu hồi của hộ gia đình ông K sử dụng không tiếp giáp với đường O; theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29-12-2014 của UBND thành phố H thì để xác định đất ở vị trí 1 phải có ít nhất một mặt giáp với đường O. Do đó, ông K cho rằng đất bị thu hồi phải là vị trí 1 đường O là không có căn cứ. UBND quận M xác định 129,9m² đất thu hồi ở vị trí 2 và hệ số bồi thường là 1,6 là đã đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông K.

[2.2.3]. Ông K và cụ Bùi Ngọc C cho rằng toàn bộ đất sử dụng tại số 605 đường O theo Giấy đổi ao ngày 10-02-1983 là không có cơ sở vì cụ Bùi Ngọc C không có chứng cứ chứng minh xác định diện tích và kích thước đất có được do đổi cho Hợp tác xã nông nghiệp T; Giấy đổi ao ngày 10-02-1983 chỉ ghi nhận số liệu xác định chiều dài giáp đường O là 16m. Do đó, UBND phường T đã xác định gia đình cụ Bùi Ngọc C sử dụng đất nhiều hơn so với diện tích thửa số 15 và thửa 16 tờ bản đồ số 7 hệ bản đồ 299, thời điểm bắt đầu sử dụng đất trước 15-10-1993 là phù hợp. Theo Giấy đổi ao ngày 10-02-1983 thì phía Đông của diện tích đất gia đình ông Bùi Ngọc C sử dụng giáp với sông S nên UBND phường T đối chiếu với tờ bản đồ số 7 hệ bản đồ 299 xác định diện tích gia đình sử dụng nhiều hơn là lấn đất bờ sông S là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì đối với diện tích đất sử dụng nhiều hơn so với giấy tờ mà nguyên nhân do lấn, chiếm đất thì không được bồi thường. Tuy nhiên, UBND quận M vẫn bồi thường theo giá đất ở nhưng phải khấu trừ 50% nghĩa vụ tài chính đối với 60,1 m² đất hộ gia đình ông K tự sử dụng theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai và Điều 13 Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ là đã có lợi cho người bị thu hồi đất.

[2.2.4]. Quyết định số 7091/QĐ-UBND ngày 08-9-2015 của UBND quận M đã điều chỉnh điều chỉnh không khấu trừ nghĩa vụ tài chính phần diện tích 39,8m² nên số tiền bồi thường về đất tăng 300.888.000đồng đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông K. Ông K cho rằng người bị thu hồi đất chỉ bị khấu trừ đất vượt hạn mức 120m² là không phù hợp với nguồn gốc sử dụng đất của trường hợp hộ gia đình ông K. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông K và cụ Bùi Ngọc C.

[3]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án thì ông Bùi Quốc K và cụ Bùi Ngọc C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Bùi Quốc K, cụ Bùi Ngọc C giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Án phí: ông Bùi Quốc K phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ 300.000đồng khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009748 ngày 25/10/2017 và cụ Bùi Ngọc C phải nộp tiền án phí hành chính phúc

thẩm, được đối trừ 300.000đồng khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009749 ngày 25/10/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Huyền Cường

Phan Thị Vân Hương

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội ;
- TANDTP H;
- VKSND thành phố H;;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ.

**T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình